



má què

麻雀

noun · sparrow

Example Sentences

yì zhī má què tíng zài shù zhī shàng

一只麻雀停在树枝上。

A sparrow perched on a branch.

dōng tiān lǐ má què cháng cháng zài wū yán xià zhǎo shí wù

冬 天 里， 麻 雀 常 常 在 屋 檐 下 找 食 物。

In winter, sparrows often look for food under the eaves.

Trace each character, then write the word on your own.

麻 麻 麻 麻 麻 麻 麻 麻 麻 麻 麻

麻麻麻

雀 雀 雀 雀 雀 雀 雀 雀 雀 雀 雀

雀 雀 雀